

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 34



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam là Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 19 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty, tăng vốn điều lệ và thay đổi địa chỉ trụ sở chính, trong đó thay đổi lần 19 ngày 5 tháng 6 năm 2023 về việc đổi tên miền website và địa chỉ email Công ty.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.35738555
- Fax : 024.38564666

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	Ngày 05 tháng 5 năm 2023
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Đức Hương	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên độc lập	Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Ủy ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Phạm Minh Phúc	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên	Ngày 28 tháng 4 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2023
Bà Đinh Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2014 Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2015
Ông Trần Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 01 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Kim Ngọc Nhân - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2023).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 21 tháng 8 năm 2024

Số: 2.0521/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 21 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù hợp nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh Báo cáo tài chính số VII.3 về việc Tập đoàn đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 liên quan đến nghĩa vụ thuế phát sinh theo Biên bản kiểm tra thuế thời kỳ năm 2022 và năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		387.287.940.035	385.461.098.589
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.940.307.670	57.152.714.623
1. Tiền	111		8.674.756.723	44.137.584.802
2. Các khoản tương đương tiền	112		265.550.947	13.015.129.821
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.432.781.099	18.432.781.099
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	18.432.781.099	18.432.781.099
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		217.703.565.827	213.905.443.221
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	61.633.841.124	103.163.423.175
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.619.550.217	7.186.682.909
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	4.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	186.324.600.295	147.429.762.946
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(43.874.425.809)	(43.874.425.809)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		125.443.792.231	82.994.298.319
1. Hàng tồn kho	141	V.7	125.443.792.231	82.994.298.319
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.767.493.208	12.975.861.327
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		459.752.753	1.599.826.282
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.384.330.185	9.206.675.857
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	2.923.410.270	2.169.359.188
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.151.374.230	41.976.123.179
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.229.173.133	9.198.971.542
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	12.075.673.133	9.045.471.542
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	153.500.000	153.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.533.205.719	26.250.564.659
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	23.430.890.719	26.135.567.789
<i>Nguyên giá</i>	222		168.902.073.363	168.723.999.288
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(145.471.182.644)	(142.588.431.499)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	102.315.000	114.996.870
<i>Nguyên giá</i>	228		361.455.000	361.455.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(259.140.000)	(246.458.130)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.336.680.713	3.336.680.713
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.336.680.713	3.336.680.713
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.052.314.665	3.189.906.265
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.806.106.867	1.632.146.517
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.10	1.246.207.798	1.557.759.748
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		430.439.314.265	427.437.221.768

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		152.520.085.378	151.988.107.105
I. Nợ ngắn hạn	310		136.080.905.344	131.775.049.256
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	37.799.160.928	29.966.626.816
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	49.883.512.618	58.755.897.091
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	5.503.342.278	4.709.880.086
4. Phải trả người lao động	314		2.722.339.331	2.226.335.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	10.091.089.501	16.739.169.805
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		29.670.330	29.347.826
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.536.103.698	926.965.439
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	23.487.730.957	13.392.870.858
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.027.955.703	5.027.955.703
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		16.439.180.034	20.213.057.849
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	7.772.205.010	11.144.082.825
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	7.072.000.000	7.474.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.17	1.594.975.024	1.594.975.024
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		277.919.228.887	275.449.114.663
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	277.919.228.887	275.449.114.663
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.525.000.000	254.525.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.525.000.000	254.525.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(441.950.000)	(441.950.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		438.281.768	438.281.768
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.594.059.681	982.587.804
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		982.587.804	982.587.804
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.611.471.877	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.803.837.438	19.945.195.091
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		430.439.314.265	427.437.221.768


Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





 Kim Ngọc Nhân

Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	62.403.904.901	24.193.201.804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62.403.904.901	24.193.201.804
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	54.674.007.481	19.102.879.556
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.729.897.420	5.090.322.248
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	524.986.770	2.948.306.888
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	991.967.291	1.590.305.898
Trong đó: chi phí lãi vay	23		991.967.291	1.529.623.769
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6.745.331.647	6.719.453.231
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		517.585.252	(271.129.993)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	3.646.477.392	2.470.972.913
13. Chi phí khác	32	VI.7	574.032.904	688.345.190
14. Lợi nhuận khác	40		3.072.444.488	1.782.627.723
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.590.029.740	1.511.497.730
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.119.915.516	657.708.851
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.470.114.224	853.788.879
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.611.471.877	1.027.004.699
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(141.357.653)	(173.215.820)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	103	40
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	103	40

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.590.029.740	1.511.497.730
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.206.984.965	3.470.019.322
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	1.357.520
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(437.979.013)	(2.940.104.797)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	991.967.291	1.529.623.769
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.351.002.983	3.572.393.544
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.271.967.394)	91.973.407.436
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.449.493.912)	(18.709.346.994)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.231.785.571)	(96.290.530.231)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(33.886.821)	(701.547.648)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(990.979.062)	(2.223.403.731)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(1.050.000.000)	(2.594.760.169)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(54.677.109.777)	(24.973.787.793)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(178.074.075)	(21.449.428.861)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(17.379.051.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	21.477.307.281
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	27.780.740.277
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		949.916.800	1.289.090.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.228.157.275)	11.718.657.872

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	23.413.808.388	10.560.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(13.720.948.289)	(17.927.023.334)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>9.692.860.099</i>	<i>(7.367.023.334)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(48.212.406.953)</i>	<i>(20.622.153.255)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>57.152.714.623</i>	<i>37.966.006.431</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(1.357.520)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>8.940.307.670</i>	<i>17.342.495.656</i>

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc

Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản	68,44%	68,44%	68,44%	68,44%
Công ty TNHH CM Xây dựng ^(*)	Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp và Thương mại	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông ^(*)	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Xây lắp và Thương mại	79,69%	79,69%	69,67%	69,67%

(*) 02 Công ty này là Công ty con của Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại, theo đó là công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam.

5c. Tình hình hoạt động của các Công ty con trong kỳ

Tên Công ty	Tình hình hoạt động trong kỳ
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Đang làm thủ tục giải thể
Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường	Thu hẹp quy mô hoạt động ^(*) .
Công ty TNHH CM Xây dựng	Đang làm thủ tục giải thể
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Đang làm thủ tục giải thể

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường vẫn đang tiếp tục phối hợp với các Ban Quản lý dự án của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Chủ đầu tư) hoàn thiện hồ sơ quyết toán các công trình do Công ty Xây lắp Môi trường Nhân Cơ – Vinacomin/ Công ty TNHH MTV Xây lắp - Môi trường Nhân Cơ -TKV/ Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường - TKV thực hiện trước thời điểm cổ phần hóa trên nguyên tắc đảm bảo giá trị vốn Chủ sở hữu của Công ty trước khi Tập đoàn chào bán cổ phần lần đầu.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 131 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 108 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng công trình được xác định như sau: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ - Giá vốn kết chuyển trong kỳ, trong đó:

$$\text{Giá vốn kết chuyển trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Doanh thu trong kỳ}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian hữu dụng của chi phí.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường đã hết khấu hao đang chờ thanh lý. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

Đối với tài sản đã qua sử dụng, thời gian khấu hao được tính theo thời gian hữu dụng còn lại ước tính

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của nhãn hiệu, tên thương mại bao gồm giá mua, thuê mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

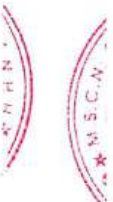
Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy: Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn; Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu là xây lắp công trình trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	261.049.275	257.174.461
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.413.707.448	43.880.410.341
Các khoản tương đương tiền	265.550.947	13.015.129.821
<i>(Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)</i>		
Cộng	<u>8.940.307.670</u>	<u>57.152.714.623</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn - Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống tại các Ngân hàng. Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở Giao dịch 1 được dùng để ký quỹ cho các khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng, số tiền là 5.162.714.434 VND (không thay đổi so với số đầu năm).

Kế hoạch đầu tư

Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 4/4/2022 giữa Bên A (là các cổ đông của bên B), Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ (Bên B) và Công ty (Bên C), Bên B và Bên C sẽ cùng thành lập một Công ty TNHH hai thành viên ("Công ty nhận chuyển nhượng dự án") để Công ty này nhận chuyển nhượng và thực hiện Dự án khu nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ("Dự án"), với tỷ lệ vốn góp của Bên B là 49% và Bên C là 51%. Dự án (đang do Bên B là chủ đầu tư) sẽ được chuyển nhượng cho Công ty nhận chuyển nhượng trong vòng 90 ngày sau khi Dự án đáp ứng đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật. Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, việc chuyển nhượng dự án vẫn chưa được thực hiện.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ ^(*)	3.613.549.558	39.659.499.509
BQLDA Nhà máy Alumina Nhân Cơ-Vinacomin ^(**)	21.341.148.119	21.341.148.119
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (XN Sông Đà 10.2)	-	15.097.073.901
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	8.219.169.047	8.219.169.047
Công ty TNHH MTV Nhâm Lâm Đồng - TKV	4.794.082.289	4.794.082.289
Ban quản lý Dự án Tổ hợp Bauxit Nhôm Lâm Đồng	4.450.581.401	4.450.581.401
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	6.649.125.023	4.210.345.481
Các khách hàng khác	12.566.185.687	5.391.523.428
Cộng	<u>61.633.841.124</u>	<u>103.163.423.175</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ ^(*)	6.045.949.951	-
Ban Quản lý Dự án 85	4.266.274.918	-
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 8	-	3.328.464.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	2.438.779.542
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	1.435.168.809	1.571.609.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh	-	1.668.265.000
Các khách hàng khác	328.279.455	38.354.000
Cộng	<u>12.075.673.133</u>	<u>9.045.471.542</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Khoản phải thu theo Hợp đồng tổng thầu EPC số 1102-1/2022/HĐTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Theo Hợp đồng này, Công ty nhận thực hiện Tổng thầu EPC: Thiết kế, cung ứng vật tư thiết bị và thi công xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án Khu nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(**) Khoản công nợ phải thu BQL Dự án Nhà máy Alumina Nhân Cơ – Vinacomin được đối chiếu xác nhận là 20.920.374.190 VND, chênh lệch giảm 420.773.929 VND do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (chủ đầu tư) phê duyệt quyết toán 02 dự án do Công ty TNHH MTV Xây lắp – Môi trường Nhân Cơ – TKV thực hiện trước thời điểm cổ phần hóa

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho vay ông Nguyễn Bá Trọng (nhân viên Công ty) theo Hợp đồng cho vay ngày 28/6/2024, thời hạn của khoản vay đến ngày 31/12/2024, lãi suất 9%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	24.686.875.141	-	19.099.623.394	-
Ông Phạm Minh Phúc – tạm ứng	459.355	-	417.690.702	-
Ông Kim Ngọc Nhân – tạm ứng	-	-	65.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Tú -Tạm ứng	1.881.977.590	-	1.761.574.458	-
Ông Trần Văn Trung - Tạm ứng	1.013.770.000	-	1.563.770.000	-
Ông Nguyễn Văn Phi - Tạm ứng	3.600.083.942	-	4.769.083.942	-
Bà Đinh Thị Thủy - Tạm ứng	18.190.584.254	-	10.522.504.292	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	161.637.725.154	(39.850.706.013)	128.330.139.552	(39.850.706.013)
Dự thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.344.240.464	-	1.910.536.324	-
Tạm ứng của CBNV	4.464.272.597	-	5.199.841.763	-
Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ ⁽¹⁾	111.871.465.419	-	75.106.900.239	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	274.184.797	-	1.009.279.730	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	21.540.049.741	(21.540.049.741)	21.540.049.741	(21.540.049.741)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	5.700.000.000	(12.610.656.272)	12.610.656.272	(12.610.656.272)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	12.610.656.272	(5.700.000.000)	5.700.000.000	(5.700.000.000)
Ông Dương Ngọc Trường	1.292.500.000	-	1.292.500.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	-	1.604.183.530	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.540.355.864	-	2.356.191.953	-
Cộng	186.324.600.295	(39.850.706.013)	147.429.762.946	(39.850.706.013)

(*) Theo Hợp đồng khung về hợp tác đầu tư số 19/2022/HĐK/CMH-THPT ngày 04/4/2022 và Phụ lục hợp đồng, Công ty sẽ “Đặt cọc” để bảo đảm cho việc giao kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch liên quan đến dự án khu nhà ở đô thị, văn hóa thể thao huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (“Cẩm Khê Central Park”). Trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng, Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi ích khác tương ứng với 7%/năm tính trên số tiền đặt cọc và được tính hàng năm. Tiền đặt cọc có thể được thỏa thuận đối trừ nghĩa vụ thanh toán giữa các bên, hoặc được hoàn trả lại theo thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược ký quỹ dài hạn

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Các khoản dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi sau đây đều có giá gốc bằng giá trị dự phòng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	(21.540.049.741)	(21.540.049.741)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm	(2.267.704.120)	(2.267.704.120)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	(704.446.925)	(704.446.925)
Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác Mỏ và Xây dựng	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	(12.610.656.272)	(12.610.656.272)
Các khách hàng khác	(1.051.568.751)	(1.051.568.751)
Cộng	(43.874.425.809)	(43.874.425.809)

Tập đoàn không phát sinh trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc Dự phòng	Giá gốc Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.611.403.578 -	5.449.237.586 -
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	118.693.794.807 -	77.406.466.887 -
Hàng hóa	138.593.846 -	138.593.846 -
Cộng	125.443.792.231 -	82.994.298.319 -

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo các công trình, dự án như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án Cẩm Khê Central Park ^(*)	80.876.335.249	59.978.473.897
Dự án Sơn Triệu	11.084.138.499	887.411.358
Dự án E'a Trang	12.040.822.428	58.748.460
Các công trình, dự án khác ^(**)	14.692.498.631	16.481.833.172
Cộng	118.693.794.807	77.406.466.887

^(*) Là dự án mà Công ty làm tổng thầu theo Hợp đồng tổng thầu EPC số 1102-1/2022/HĐTT ngày 11 tháng 02 năm 2022 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Giá trị hợp đồng tạm tính là 1.026,362 tỷ VND. Tiến độ dự kiến là 60 tháng kể từ ngày bàn giao mặt bằng và hồ sơ pháp lý đầy đủ để triển khai dự án. Ngày hoàn thành dự kiến theo hợp đồng là Quý 4 năm 2026.

^(**) Trong đó, giá trị còn lại của các công trình đã hoàn thành bàn giao, đang chờ được quyết toán do Ban Quản lý Dự án đang làm thủ tục quyết toán với chủ đầu tư (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) là 14.692.498.631 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	11.636.984.488	104.416.248.397	51.894.759.252	776.007.151	168.723.999.288
Mua trong kỳ	-	178.074.075	-	-	178.074.075
Số cuối kỳ	11.636.984.488	104.594.322.472	51.894.759.252	776.007.151	168.902.073.363
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	11.636.984.488	77.346.393.077	43.824.759.252	688.053.515	133.496.190.332
Chờ thanh lý	-	62.308.345.262	36.338.828.253	558.980.788	99.206.154.303
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.636.984.488	84.805.859.283	45.419.235.058	726.352.670	142.588.431.499
Khấu hao trong kỳ	-	2.469.338.341	403.500.000	9.912.804	2.882.751.145
Số cuối kỳ	11.636.984.488	87.275.197.624	45.822.735.058	736.265.474	145.471.182.644
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	19.610.389.114	6.475.524.194	49.654.481	26.135.567.789
Số cuối kỳ	-	17.319.124.848	6.072.024.194	39.741.677	23.430.890.719
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 21.843.096.702 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

9. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Website, logo	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	209.455.000	38.000.000	114.000.000	361.455.000
Mua trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	209.455.000	38.000.000	114.000.000	361.455.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	209.455.000	38.000.000	-	247.455.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	202.473.130	38.000.000	5.985.000	246.458.130
Khấu hao trong năm	6.981.870	-	5.700.000	12.681.870
Số cuối năm	209.455.000	-	11.685.000	259.140.000
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	6.981.870	-	108.015.000	114.996.870
Số cuối năm	-	-	102.315.000	102.315.000
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**10. Lợi thế thương mại**

Là khoản phát sinh khi mua Công ty con - Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường.

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.557.759.748	2.180.863.647
Số phân bổ vào chi phí trong kỳ	<u>(311.551.950)</u>	<u>(311.551.950)</u>
Số cuối kỳ	<u>1.246.207.798</u>	<u>1.869.311.697</u>

11. Phải trả người bán**11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Xây dựng Công nghiệp mỏ - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	13.605.206.184	13.605.206.184
Các nhà cung cấp khác	<u>24.193.954.744</u>	<u>16.361.420.632</u>
Cộng	<u>37.799.160.928</u>	<u>29.966.626.816</u>

11b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hòa Hiệp	-	1.588.606.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hợp Lực	1.722.356.850	1.722.356.850
Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển Nông thôn 10	1.905.828.450	1.799.562.479
Các nhà cung cấp khác	<u>4.144.019.710</u>	<u>6.033.557.496</u>
Cộng	<u>7.772.205.010</u>	<u>11.144.082.825</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý dự án 85	34.011.321.818	57.788.210.900
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	15.026.855.659	-
Các khách hàng khác	<u>845.335.141</u>	<u>967.686.191</u>
Cộng	<u>49.883.512.618</u>	<u>58.755.897.091</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	41.814.484	2.169.359.188	-	(795.865.566)	-	2.923.410.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.467.885.007	-	1.119.915.516	(1.050.000.000)	3.537.800.523	-
Thuế thu nhập cá nhân	929.001.335	-	301.981.491	(5.770.024)	1.225.212.802	-
Thuế tài nguyên	-	-	51.400.398	-	51.400.398	-
Phí bảo vệ môi trường	-	-	26.924.018	-	26.924.018	-
Lệ phí môn bài	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	271.179.260	-	390.825.277	-	662.004.537	-
Cộng	<u>4.709.880.086</u>	<u>2.169.359.188</u>	<u>1.897.046.700</u>	<u>(1.857.635.590)</u>	<u>5.503.342.278</u>	<u>2.923.410.270</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất là 10% và 8%.

Số thuế vãng lai đã nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng trong kỳ là 754.051.082 VND. Thuế giá trị gia tăng hoạt động xây dựng thực hiện tại các tỉnh khác với trụ sở chính phải nộp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng. Số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại địa phương nơi có công trình xây dựng sẽ được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	26.362.944	25.374.715
Trích trước chi phí công trình	10.030.181.102	16.619.249.635
Các chi phí phải trả khác	34.545.455	94.545.455
Cộng	<u>10.091.089.501</u>	<u>16.739.169.805</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>168.000.000</i>	<i>144.000.000</i>
Thù lao HĐQT và BKS	168.000.000	144.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>1.368.103.698</i>	<i>782.965.439</i>
Kinh phí công đoàn	120.605.516	86.519.116
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	170.717.006	36.088.966
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	62.480.000	62.480.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.014.301.176	597.877.357
Cộng	<u>1.536.103.698</u>	<u>926.965.439</u>

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>16.850.930.957</i>	<i>9.441.270.858</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱ⁾	16.850.930.957	9.441.270.858
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>3.206.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)</i>	<i>3.430.800.000</i>	<i>3.945.600.000</i>
Cộng	<u>23.487.730.957</u>	<u>13.392.870.858</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An theo hợp đồng cho vay từng lần để thanh toán chi phí hợp lý phục vụ thi công gói thầu số 11-XL “Thi công xây dựng Đoạn KM 0+200- KM19+800” thuộc Dự án “Xây dựng Công trình Đường bộ cao tốc Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025”, hạn mức cho vay không vượt 24 tỷ đồng, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ không quá 6 tháng.
- (ii) Khoản vay các cá nhân theo hợp đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay đến 31/12/2024, lãi suất là 7,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	9.441.270.858	6.000.000	3.945.600.000	13.392.870.858
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	18.818.808.388	4.595.000.000	-	23.413.808.388
Số kết chuyển	-	-	402.000.000	402.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(11.409.148.289)	(1.395.000.000)	(916.800.000)	(13.720.948.289)
Số cuối kỳ	16.850.930.957	3.206.000.000	3.430.800.000	23.487.730.957

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱ⁾	-	102.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	7.072.000.000	7.372.000.000
Cộng	7.072.000.000	7.474.000.000

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng ngày 28/01/2022 để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô với lãi suất thả nổi, thời hạn 36 tháng kể từ ngày vay, được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư ngày 29/08/2022 và ngày 14/6/2023 để thanh toán các chi phí đầu tư của Dự án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày vay. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Ngoài ra, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng này còn được đảm bảo bằng 5,5 triệu cổ phiếu CMS thuộc sở hữu của ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị..

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay dài hạn

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.430.800.000	3.945.600.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.072.000.000	7.474.000.000
Cộng	10.502.800.000	11.419.600.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.474.000.000	3.535.600.000
Số tiền vay phát sinh	-	10.560.000.000
Số kết chuyển	(402.000.000)	(3.204.800.000)
Số cuối năm	7.072.000.000	10.890.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.594.975.024	1.594.975.024
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.594.975.024</u>	<u>1.594.975.024</u>

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	254.525.000.000	(411.950.000)	438.281.768	640.966.429	53.063.009.296	308.255.307.493
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	1.027.004.699	(173.215.820)	853.788.879
Giảm do chuyển nhượng Công ty con	-	-	-	(10.536.934)	(32.828.098.491)	(32.838.635.425)
Số dư cuối kỳ trước	<u>254.525.000.000</u>	<u>(411.950.000)</u>	<u>438.281.768</u>	<u>1.657.434.194</u>	<u>20.061.694.985</u>	<u>276.270.460.947</u>
Số dư đầu năm nay	254.525.000.000	(441.950.000)	438.281.768	982.587.804	19.945.195.091	275.449.114.663
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	2.611.471.877	(141.357.653)	2.470.114.224
Số dư cuối kỳ này	<u>254.525.000.000</u>	<u>(441.950.000)</u>	<u>438.281.768</u>	<u>3.594.059.681</u>	<u>19.803.837.438</u>	<u>277.919.228.887</u>

18b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.452.500	25.452.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	25.452.500	25.452.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.452.500	25.452.500

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

19a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	224,85	267,66
Euro (EUR)	0,18	619.801,00
Kíp Lào (LAK)	533.721,80	1.193.721,80
Baht Thái Lan (THB)	2.543,31	2.783,31

19b. Nợ đã xóa sổ

Nợ đã xóa sổ bao gồm các khoản nợ phải thu, phải trả liên quan đến chủ đầu tư và nhà thầu phụ công trình dự án Thủy điện Sông Bạc, phát sinh từ lâu ngày, đến nay không thực hiện được thủ tục đối chiếu, thanh toán. Chi tiết bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	13.927.265.023	13.927.265.023
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH Thiết bị và Xây dựng Phoenix	264.820.000	264.820.000
Cộng	14.192.085.023	14.192.085.023
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng Bản Việt	1.321.590.557	1.321.590.557
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	6.038.825.952	6.038.825.952
Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	1.120.314.660	1.120.314.660
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	316.088.850	316.088.850
Cộng	8.796.820.019	8.796.820.019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

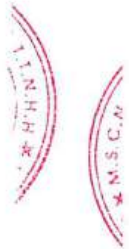
	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.657.987.725	1.269.556.516
Doanh thu hợp đồng xây dựng	60.745.917.176	22.923.645.288
Cộng	62.403.904.901	24.193.201.804

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp	1.319.153.096	987.571.723
Giá vốn hợp đồng xây dựng	53.354.854.385	18.115.307.833
Cộng	54.674.007.481	19.102.879.556

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	436.006.400	1.643.039.465
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	87.007.757	8.132.221
Lãi tiền cho vay	1.972.613	428.676.134
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	69.870
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	868.389.198
Cộng	524.986.770	2.948.306.888



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	991.967.291	1.529.623.769
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	59.324.609
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.357.520
Cộng	991.967.291	1.590.305.898

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.500.683.232	3.013.130.255
Chi phí vật liệu quản lý	-	27.506.000
Chi phí đồ dung văn phòng	374.367.410	860.102.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định, lợi thế thương mại	732.479.958	812.833.496
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	9.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.039.036.813	1.377.063.276
Các chi phí khác	92.764.234	619.817.477
Cộng	6.745.331.647	6.719.453.231

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	-	288.203.205
Thu nhập từ tiền đặt cọc	2.961.565.180	2.149.784.708
Thu từ bảo hiểm bồi thường	667.883.347	-
Thu nhập khác	17.028.865	32.985.000
Cộng	3.646.477.392	2.470.972.913

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị của vật tư, công cụ dụng cụ thanh lý	-	248.703.379
Các khoản tiền chậm nộp, phạt thuế	393.406.461	303.545.220
Chi phí khác	180.626.443	136.096.591
Cộng	574.032.904	688.345.190

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	2.611.471.877	1.027.004.699
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.611.471.877	1.027.004.699
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.452.500	25.452.500
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	103	40

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.747.441.703	14.421.868.502
Chi phí nhân công	14.342.865.623	7.863.006.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.206.984.965	3.470.019.322
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.327.941.042	2.940.413.012
Chi phí thuê thầu phụ	29.285.185.672	17.234.354.466
Chi phí khác	2.656.058.517	1.177.133.331
Cộng	101.566.477.522	47.106.795.483

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú	963.348.090	810.800.000
Tạm ứng cho bà Đinh Thị Thủy	10.625.711.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	420.000.000	6.000.000	426.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	370.000.000	6.000.000	376.000.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	205.068.000	6.000.000	211.068.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	307.000.000	6.000.000	313.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	304.800.000	-	304.800.000
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	325.000.000	-	325.000.000
Cộng		1.931.868.000	51.000.000	1.982.868.000
Kỳ trước				
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT/ thành viên Ban KTNB	300.000.000	90.000.000	390.000.000
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	333.000.000	9.000.000	342.000.000
Ông Nguyễn Đức Hường	Thành viên HĐQT	119.200.000	9.000.000	128.200.000
Ông Nguyễn Hoàng Duy	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Thành viên HĐQT	-	9.000.000	9.000.000
Ông Trần Văn Trung	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	192.000.000	-	192.000.000
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	249.000.000	-	249.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	242.400.000	-	242.400.000
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	303.000.000	-	303.000.000
Cộng		1.738.600.000	126.000.000	1.864.600.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Lemore Nha Trang	Cùng chủ tịch Hội đồng quản trị.
Công ty Cổ phần Lemore Phan Thiết	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác trong kỳ này và kỳ trước.

2. Đối tác quan trọng

Đối tác quan trọng của Công ty là Công ty Cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ. Thông tin về các Hợp đồng đã ký kết với đối tác quan trọng được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.5a và V.7.

Giao dịch với đối tác quan trọng

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch với đối tác quan trọng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, P Phúc Diễn, Q Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu Hợp đồng tổng thầu EPC	-	16.442.877.019
Lợi ích từ tiền đặt cọc	2.961.565.180	2.149.784.708
Chuyển tiền đặt cọc	33.803.000.000	2.760.000.000

Công nợ với đối tác quan trọng

Công nợ với đối tác quan trọng được trình bày tại các thuyết minh số V.3; V.5a.

3. Số liệu so sánh

Căn cứ kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế tại Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam thời kỳ năm 2022 đến năm 2023 theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 19/6/2024, Cục trưởng Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 37473/QĐ-CTHN-TTKT10-XPVPHC ngày 24/6/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Theo đó, Tập đoàn đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 liên quan đến nghĩa vụ thuế như sau:

- Điều chỉnh giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ, số tiền 1.925.953.106 VND;
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu, số tiền 1.241.929.892 VND;
- Điều chỉnh tăng thuế thu nhập cá nhân bị truy thu, số tiền 359.970.629 VND
- Điều chỉnh tăng khoản chậm nộp tiền thuế vào Ngân sách nhà nước, số tiền 110.599.552 VND.

Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Tài sản ngắn hạn	100	385.782.868.165	(321.769.576)	385.461.098.589
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	11.132.628.963	(1.925.953.106)	9.206.675.857
Phải thu ngắn hạn khác	136	145.823.579.416	1.606.183.530	147.429.762.946
Tổng Tài sản	270	427.758.991.344	(321.769.576)	427.437.221.768
Nợ phải trả	300	150.635.577.661	1.352.529.444	151.988.107.105
Nợ ngắn hạn	300	130.422.519.812	1.352.529.444	131.775.049.256
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.997.380.013	1.712.500.073	4.709.880.086
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.286.936.068	(359.970.629)	926.965.439
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	277.123.413.683	(1.674.299.020)	275.449.114.663
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	2.656.886.824	(1.674.299.020)	982.587.804
Tổng Nguồn vốn	440	427.758.991.344	(321.769.576)	427.437.221.768

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 21 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Thủy

Đinh Thị Thủy

Kim Ngọc Nhân